

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Trần Thục Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đoàn Hồng Hải

2- Ông Phạm Duy Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Hoa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần SI**

Trụ sở: 266 – **B N, Phường H, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền:

Đại diện theo UQ: Ông **Đặng Minh T** – Nhân viên **Ngân hàng TMCP S1** - theo Giấy ủy quyền số 08/2021/UQ-CNPN ngày 11/01/2021

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng L** – Sinh năm: 1993

Thường trú: **A P, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.**

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Đặng Minh T** trình bày :

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, ông **L** có ký với **Ngân hàng TMCP S1** (gọi tắt là **Ngân hàng V**) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) số: 024850819- 472075-1768. Căn cứ thu nhập của ông **Nguyễn Hoàng L** (gọi tắt ông **L**), Ngân hàng đã đồng ý

cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 101.895.811 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81.858.872 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), đồng thời ngày 31/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông L còn thiếu tại thời điểm này là 27.230.071 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất 2.77%/tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân với 150%. (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tạm tính đến ngày 14/05/2024, ông L còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng. Tổng cộng: 84.284.742 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông L, yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời V cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông L trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng L phải trả cho V tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/05/2024 là 84.284.742 đồng (Bằng chữ: T1 mười bốn triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng) trong đó nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Nguyễn Hoàng L không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Sau khi xem xét tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày đề nghị bị đơn thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 của thẻ tín dụng số: 024850819- 472075-1768 ngày 05 tháng 02 năm 2018, có nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng. Tổng cộng: 84.284.742 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cùng tiền lãi chậm trả phát sinh cho đến khi ông L trả dứt nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không rõ ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu :

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án : Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 5; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 70; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 05/2012 /NQ-HĐTP ngày 03/12/2012;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 ;

Đề nghị :

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Hoàng L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 của thẻ tín dụng số: 024850819- 472075-1768 ngày 05 tháng 02 năm 2018, có nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng. Tổng cộng: 84.284.742 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cùng tiền lãi chậm trả phát sinh cho đến khi ông L trả dứt nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và xét xử vắng mặt bị đơn đối với vụ án :

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc : “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” giữa tổ chức và cá nhân có hợp đồng tín dụng số 024850819- 472075-1768 ngày 05 tháng 02 năm 2018.

Theo xác minh của Công an P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh được biết ông Nguyễn Hoàng L có đăng ký thường trú tại A P, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa phương hiện đang ở Block A chung cư C V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tuy nhiên kết quả xác minh của Công an P1, Quận H được biết ông L không cư trú tại địa chỉ trên cũng như trong đơn trình bày của đại diện Ngân hàng ngày 13 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn ngoài địa chỉ ông L ghi trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, theo quy định tại khoản 3, Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án nhân dân Quận 5 đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo các Điều

227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 05/2012 /NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 yêu cầu ông Nguyễn Hoàng L phải thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với hợp đồng tín dụng số 024850819- 472075-1768 ngày 05 tháng 02 năm 2018, có nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng. Tổng cộng: 84.284.742 đồng, được thể hiện ở các tài liệu trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông L đã vi phạm các thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng, như vậy ông L là bên vi phạm không trả lãi và nợ gốc đúng hạn quy định trong hợp đồng nên việc V yêu cầu ông L thanh toán số nợ gốc và lãi còn thiếu là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về trả lãi và thời hạn thanh toán:

Tại khoản 27, Điều 1, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tính dụng của nguyên đơn quy định: “Lãi suất: lãi là lãi suất cho vay mà Sacombank áp dụng đối với các khoản vay thông qua phát hành thẻ, bao gồm lãi suất trong hạn, và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất do V công bố theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn”

Nguyên đơn đã áp dụng lãi suất là 2.77%/tháng, lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên vay không trả đúng bằng 150% và V đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông L còn thiếu là: 27.230.071 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất là 2.77%/tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150%. - là phù hợp với Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng (do các bên thỏa thuận theo hợp đồng).

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí của S tại các thời kỳ xác định bị đơn trong quá sử dụng thẻ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Vì vậy việc V yêu cầu ông L phải trả tiền nợ và lãi của thẻ tín dụng số 024850819- 472075-1768 ngày 05 tháng 02 năm 2018, có nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng. Tổng cộng: 84.284.742 đồng tạm tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 là có cơ sở.

Do ông Nguyễn Hoàng L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do vậy Ngân hàng yêu cầu ông L thanh toán số tiền nợ còn thiếu và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực là phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí : Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147, 177, 227, điểm b khoản 2 Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 296, 476, Điều 302, Điều 305, 422, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ các Điều 280, 351, 468 Bộ luật dân sự 2015 ;

- Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 ;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán tối cao quy định về thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV QH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

2. Buộc ông **Nguyễn Hoàng L** phải thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 của thẻ tín dụng số 024850819- 472075-1768 ngày 05 tháng 02 năm 2018, có nợ gốc: 27.230.071 đồng, lãi quá hạn: 57.054.671 đồng. Tổng cộng: 84.284.742 đồng (Tám mươi tư triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

3. Ngoài ra ông **Nguyễn Hoàng L** còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**.

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm là 4.214.237 đồng (Bốn triệu, hai trăm mười bốn nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng) do ông **Nguyễn Hoàng L** chịu. **H** lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.035.764 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036061 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND Quận 5;
- TAND TP. HCM;
- THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP

Huỳnh Trần Thục Oanh